

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
 - Mã chứng khoán: TPB
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Điện thoại: 024. 3768 8998
 - Fax: 024. 3768 8979
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Quang Tiến
Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 29/07/2024 tại đường dẫn: <https://tpb.vn/nha-dau-tu/thong-bao-co-dong>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2024

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VP. HĐQT.

Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Quang Tiến

BÁO CÁO**Tình hình quản trị công ty**
(6 tháng đầu năm 2024)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên công ty: **Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank)**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024. 3768 8998 Fax: 024. 3768 8979 Email: cbtt@tpb.com.vn
- Vốn điều lệ: 22.016.350.090.000 đồng
- Mã chứng khoán: TPB
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

Trong năm 2024, TPBank đã tiến hành 01 kỳ ĐHĐCĐ thường niên để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ với các nội dung cụ thể như sau:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------------|------------|--|
| 1 | 01/2024/NQ-TPB.ĐHĐCĐ | 23/04/2024 | Thông qua các nội dung sau đây: 1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị, bao gồm: a) Báo cáo hoạt động năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 của Hội đồng Quản trị. b) Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và đánh giá của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023. c) Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2023 và Kế hoạch ngân sách năm 2024 của Hội đồng Quản trị. 2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023, chỉ tiêu kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ban Điều hành. |

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|------|---|
| | | | <p>3. Báo cáo của Ban kiểm soát, bao gồm:</p> <p>a) Báo cáo hoạt động năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.</p> <p>b) Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2023 và Kế hoạch ngân sách năm 2024 của Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Một số nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông theo Tờ trình số 04/2024/TTr-TPB.HĐQT ngày 16/04/2024 của Hội đồng Quản trị:</p> <p>a) Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của TPBank</p> <p>b) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định năm 2023</p> <p>c) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung một số văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Tờ trình số 02/2024/TTr-TPB.HĐQT ngày 16/04/2024 của Hội đồng Quản trị:</p> <p>a) Điều lệ TPBank</p> <p>b) Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị</p> <p>c) Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng</p> <p>6. Sửa đổi Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 02/2024/TTr-TPB.BKS ngày 16/04/2024 của Ban Kiểm soát.</p> <p>7. Phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt và Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 theo Tờ trình số 03/2024/TTr-TPB.HĐQT ngày 16/04/2024 của Hội đồng Quản trị.</p> |

II. Hội đồng Quản trị:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ thành viên HĐQT độc lập |
|-----|-------------------------|-------------------|--|
| 1 | Ông Đỗ Minh Phú | Chủ tịch HĐQT | 26/04/2023 |
| 2 | Ông Lê Quang Tiến | Phó Chủ tịch HĐQT | 26/04/2023 |
| 3 | Ông Đỗ Anh Tú | Phó Chủ tịch HĐQT | 26/04/2023 |
| 4 | Ông Shuzo Shikata | Phó Chủ tịch HĐQT | 26/04/2023 |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Mai Sương | Thành viên HĐQT | 26/04/2023 |

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ thành viên HĐQT độc lập |
|-----|-----------------|-------------------------|--|
| 6 | Bà Võ Bích Hà | Thành viên HĐQT độc lập | 26/04/2023 |

2. Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|-------------------------|--------------------------|-------------------|
| 1 | Ông Đỗ Minh Phú | 42 | 100% |
| 2 | Ông Lê Quang Tiến | 42 | 100% |
| 3 | Ông Đỗ Anh Tú | 42 | 100% |
| 4 | Ông Shuzo Shikata | 42 | 100% |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Mai Sương | 42 | 100% |
| 6 | Bà Võ Bích Hà | 42 | 100% |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành (Tổng Giám đốc):

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành (BDH), Tổng Giám đốc (TGD) được thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng. Định kỳ hàng tháng Ngân hàng tổ chức họp giao ban toàn hàng với sự chủ trì của Chủ tịch HĐQT và các lãnh đạo cấp cao của Ngân hàng. Tại cuộc họp này, Chủ tịch HĐQT đã lắng nghe ý kiến của các thành viên tham dự họp, chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh và đưa ra định hướng kịp thời, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của TPBank.

4. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị:

Thông qua các Ủy ban trực thuộc, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban. Với tư cách là thành viên của các Ủy ban trực thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT cũng đã tham gia các cuộc họp định kỳ/đột xuất để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng Ủy ban theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) và quy định của pháp luật liên quan.

- **Ủy ban Quản trị cấp cao (EXCO):** EXCO đã tham mưu cho HĐQT triển khai kế hoạch hoạt động của HĐQT, giám sát cấp cao và kịp thời định hướng cho TGD, BDH đưa ra các quyết sách đúng đắn, các giải pháp thiết thực, hiệu quả để hoạch định, ban hành kế hoạch kinh doanh hợp lý, giải pháp điều hành linh hoạt, kiểm soát nâng cao chất lượng tài sản và đảm bảo an toàn cho cả hệ thống.

- **Ủy ban Nhân sự (UBNS):** UBNS đã tham mưu cho HĐQT kiểm soát chặt định biên, đảm bảo sử dụng tối ưu nguồn nhân lực, thúc đẩy tăng năng suất lao động và chủ động giãn tiến độ tuyển dụng khi thị trường có các dấu hiệu bất lợi cho hoạt động kinh doanh; Tham mưu cho HĐQT phê duyệt văn bản về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; Tăng cường hoạt động đào tạo e-Learning và trực tiếp, đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ; Tăng cường hoạt động quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực tiềm năng; Chú trọng tuyển dụng nhân sự,

phát triển cán bộ từ nguồn nội bộ, tạo cơ hội thăng tiến cho cán bộ nhân viên; Quyết liệt xử lý kỷ luật các cán bộ sai phạm, cắt giảm nhân sự có kết quả làm việc yếu kém.

- **Ủy ban Quản lý rủi ro (UB QLRR):** Tham mưu cho HĐQT việc phê duyệt ban hành, sửa đổi các văn bản nhằm phù hợp với quy định tại Luật các TCTD; Giám sát chặt chẽ rủi ro công nghệ thông tin, rủi ro không gian mạng, rủi ro kỹ thuật số, rủi ro gian lận để đảm bảo mục tiêu phát triển ngân hàng số một cách bền vững và an toàn; Cho ý kiến đối với đề xuất về các phương án kinh doanh, các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, phương án xử lý rủi ro; Giám sát, tư vấn cho HĐQT về việc thực hiện 03 trụ cột của Basel II; Giám sát và tham mưu cho HĐQT đối với việc tính toán, kiểm soát và công bố thông tin về Vốn, Tỷ lệ an toàn vốn – CAR đảm bảo tuân thủ theo ngưỡng quy định của Basel III; Giám sát việc thực hiện tính toán, kiểm soát và công bố thông tin về các chỉ tiêu thanh khoản (LCR, NSFR), Tỷ lệ đòn bẩy (LR).

- **Ủy ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả (SALCO):** Thực hiện hiệu quả công tác tham mưu cho HĐQT, giám sát việc quản lý cơ cấu bảng cân đối tài sản, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro; Giám sát việc thực hiện kiểm soát hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ hạn mức rủi ro thanh khoản, hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng, tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; Giám sát việc xây dựng và quyết định khung lãi suất huy động và cho vay, khung giá cho các sản phẩm khác, kế hoạch huy động và sử dụng vốn, nguyên tắc FTP và các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý Tài sản/Nợ phải trả của Ngân hàng.

- **Ủy ban Giám sát Tín dụng và Đầu tư:** Tham mưu cho HĐQT thông qua các quyết định cấp tín dụng cho các đối tượng cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn, người có liên quan của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank; Tham mưu đề trình HĐQT phê duyệt và ban hành một số văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng, các văn bản liên quan đến tài sản bảo đảm và đầu tư mua, bán giấy tờ có giá; Giám sát các hoạt động phê duyệt của Hội đồng Tín dụng đầu tư cấp cao liên quan đến công tác cấp tín dụng để bảo đảm an toàn cho hoạt động của TPBank; Giám sát việc phê duyệt của TGD liên quan đến hoạt động cấp và điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt tín dụng trực thuộc TGD; Giám sát TGD và các cá nhân, đơn vị trong toàn hệ thống TPBank thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động tín dụng, đầu tư mua, bán giấy tờ có giá.

- **Ủy ban Chiến lược:** Tham mưu cho HĐQT triển khai *Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025* theo chủ trương của Chính phủ, hướng dẫn của NHNN; Chỉ đạo xây dựng phát triển ngân hàng số và giữ vững vị thế Ngân hàng số số 1 trên thị trường.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị:

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm Báo cáo.

III. Ban Kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Trưởng BKS | 26/04/2023 | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh |
| 2 | Ông Thái Duy Nghĩa | Thành viên chuyên trách | 26/04/2023 | Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt | Thành viên không chuyên trách | 26/04/2023 | Thạc sỹ Luật Quốc tế |

2. Cuộc họp của BKS:

Trong 6 tháng đầu năm 2024, BKS tiến hành họp 02 phiên toàn thể với thành phần như sau:

| STT | Thành viên BKS | Số buổi dự họp | Tỷ lệ dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|--------------------------|----------------|--------------|------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Thu Hương | 02 | 100% | 100% |
| 2 | Ông Thái Duy Nghĩa | 02 | 100% | 100% |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt | 02 | 100% | 100% |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH và cổ đông:

3.1. Giám sát công tác quản trị, điều hành của HĐQT, BDH:

Qua giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ trong công tác quản trị, điều hành Ngân hàng cho thấy:

- HĐQT đã chỉ đạo sát sao việc triển khai các quy định của Luật các TCTD năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, luôn bám sát tình hình thực tế chỉ đạo của Chính phủ, NHNN và chủ động chỉ đạo, giám sát BDH trong việc triển khai việc thực hiện các giải pháp, kịch bản linh hoạt, quyết liệt để tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- HĐQT đã tổ chức họp giao ban toàn hàng định kỳ hàng tháng và các buổi làm việc với BDH để kịp thời nắm bắt, định hướng xử lý các vấn đề trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.

- BDH đã chủ động triển khai Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, truyền thông quy định pháp luật, rà soát chỉnh sửa ban hành các quy định nội bộ phù hợp với quy định của Luật các TCTD năm 2024 và điều hành, thực hiện kế hoạch kinh doanh, bảo đảm an toàn, hiệu quả hoạt động ngân hàng.

- HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

3.2. Đánh giá việc giám sát quản lý cấp cao của HĐQT, TGD đối với Hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

3.3. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023, giám sát việc tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn

hoạt động.

3.4. Ban hành quy định nội bộ của BKS: Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của BKS theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua. Chuẩn bị triển khai thực hiện nhiệm vụ của BKS theo quy định của Luật các TCTD có hiệu lực từ 1/7/2024.

3.5. Tổ chức thực hiện KTNB:

Trong 6 tháng đầu năm 2024, BKS đã chỉ đạo, giám sát KTNB triển khai thực hiện Kế hoạch KTNB năm 2024 và các công việc theo chức năng, nhiệm vụ. Cụ thể:

- Triển khai thực hiện kiểm toán 06 chuyên đề, kiểm toán hoạt động 01 Đơn vị Hội sở và 04 ĐVKD theo kế hoạch.

- Thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng tại Công văn số 728/TTGSNH6 ngày 20/2/2024; CV 2380/NHNN-TTGSNH; Công văn 1695/Cục II.5 ngày 21/12/2023.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá chất lượng, hiệu quả của KTNB và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Trung tâm KTNB nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ.

3.6. Làm việc với Công ty kiểm toán độc lập, chia sẻ thông tin, ý kiến tư vấn qua kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính.

3.7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, các công ty, người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, TGD và cập nhật thông tin định kỳ. Các giao dịch nội bộ mua cổ phiếu TPBank được tuân thủ quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3.8. Giám sát giao dịch giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác:

BKS đã thực hiện cơ chế phối hợp với HĐQT, BDH trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát hoạt động Ngân hàng.

- Các hoạt động quản trị kinh doanh ngân hàng, các quy trình, quy định đã được thông tin, trao đổi giữa HĐQT, BDH và BKS.

- Phối hợp xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm toán và chỉ đạo khắc phục sau kiểm toán. BKS, KTNB duy trì việc trao đổi thông tin trong quá trình kiểm tra, giám sát, kiểm toán;

- Các kiến nghị của BKS, KTNB đã được ghi nhận và được HĐQT, BDH chỉ đạo khắc phục.

5. Hoạt động khác của BKS:

Phối hợp Hội đồng Nhân sự tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ, nâng cao trình độ nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán.

IV. Ban điều hành:

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Hưng | 20/11/1966 | Thạc sỹ | 02/12/2022 |
| 2 | Ông Lê Hồng Nam | 04/02/1966 | Thạc sỹ | 01/07/2021 |
| 3 | Ông Nguyễn Việt Anh | 25/02/1977 | Thạc sỹ | 01/07/2021 |
| 4 | Ông Nguyễn Hồng Quân | 21/02/1968 | Thạc sỹ | 01/07/2021 |
| 5 | Ông Khúc Văn Hòa | 16/01/1973 | Thạc sỹ | 01/07/2021 |
| 6 | Ông Đinh Văn Chiến | 16/06/1973 | Thạc sỹ | 15/04/2020 |
| 7 | Ông Phạm Đông Anh | 30/09/1971 | Cử nhân | 01/07/2021 |
| 8 | Bà Trương Thị Hoàng Lan | 10/09/1978 | Cử nhân | 28/12/2018 |
| 9 | Ông Bùi Quang Cường | 03/10/1967 | Cử nhân | 10/11/2021 |

V. Kế toán trưởng:

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------|---------------------|-------------------------------|---------------|
| Bà Lê Cẩm Tú | 27/06/1975 | Cử nhân | 27/04/2013 |

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Trong 6 tháng đầu năm 2024, các thành viên HĐQT, BKS, BDH, Người phụ trách quản trị Ngân hàng và các lãnh đạo phòng/ban, cán bộ chuyên trách đều tích cực tham dự các khóa học, chương trình đào tạo, hội thảo về quản trị công ty được tổ chức bởi cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước để cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, bồi dưỡng thêm kiến thức, kinh nghiệm, đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank. Một số chương trình cụ thể như: Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển thị trường chứng khoán năm 2024, Hội thảo “Vì một Đại hội cổ đông đổi mới và hiệu quả”, Hội thảo Khởi động “Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niềm yết 2024”, Hội nghị “Những vấn đề trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán của công ty đại chúng, công ty niêm yết; Các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết”.

VII. Danh sách về người có liên quan của TPBank và giao dịch của người có liên quan của TPBank với chính TPBank:

1. Danh sách về người có liên quan của TPBank:

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm Báo cáo

2. *Giao dịch giữa TPBank với người có liên quan của TPBank; hoặc giữa TPBank với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:*

Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm Báo cáo

3. *Giao dịch giữa người nội bộ của TPBank, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do TPBank nắm quyền kiểm soát:* Không có

4. *Giao dịch giữa TPBank với các đối tượng khác:*

4.1. Giao dịch giữa TPBank với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm Báo cáo.

4.2. Giao dịch giữa TPBank với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của TPBank (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

1. *Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:*

Chi tiết theo Phụ lục V đính kèm Báo cáo

2. *Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của TPBank:*

Không có

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:

Không có

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VP. HĐQT.

NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phụ lục I - Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--|--------------------|
| 1 | 01/2024/QĐ-TPB.HĐQT | 04/01/2024 | Thành lập Chi nhánh Đông Anh trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | 100% |
| 2 | 02/2024/QĐ-TPB.HĐQT | | Thay đổi địa điểm hoạt động Chi nhánh Đông Anh trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | 100% |
| 3 | 03/2024/NQ-TPB.HĐQT | 15/01/2024 | Thông qua việc Tái cấp tăng hạn mức tín dụng cho khách hàng là Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Toàn Thu (người có liên quan của thành viên HĐQT) | 100% |
| 4 | 04/2024/NQ-TPB.HĐQT | 15/01/2024 | Thông qua việc Cấp mới tín dụng cho khách hàng Nguyễn Khải Hoàn (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |
| 5 | 05/2024/NQ-TPB.HĐQT | 16/01/2024 | Thông qua việc Cấp tín dụng cho khách hàng Bùi Quang Ngọc (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |
| 6 | 06/2024/NQ-TPB.HĐQT | 23/01/2024 | Thông qua việc tái cấp hạn mức thấu chi cho khách hàng Nguyễn Việt Thắng (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |
| 7 | 07/2024/NQ-TPB.HĐQT | 23/01/2024 | Thông qua việc tái cấp hạn mức thấu chi cho khách hàng Bùi Quang Ngọc (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |
| 8 | 09/2024/NQ-TPB.HĐQT | 26/02/2024 | Thông qua chủ trương tiếp tục Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong năm 2024 (người có liên quan của thành viên HĐQT và thành viên BDH) | 100% |
| 9 | 10/2024/NQ-TPB.HĐQT | 27/02/2024 | Thành lập Chi nhánh Quảng Bình trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | 100% |
| 10 | 11/2024/NQ-TPB.HĐQT | 01/03/2024 | Thông qua các nội dung, ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu và thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | 100% |
| 11 | 12/2024/NQ-TPB.HĐQT | 01/03/2024 | Thành lập Chi nhánh Hà Nam trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | 100% |
| 12 | 13/2024/NQ-TPB.HĐQT | 01/03/2024 | Thành lập Chi nhánh Vĩnh Phúc trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|--------------------|
| 13 | 14/2024/NQ-TPB.HĐQT | 01/03/2024 | Thông qua việc Cấp món bảo lãnh bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cho Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Dragon (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |
| 14 | 16/2024/NQ-TPB.HĐQT | 14/03/2024 | Thông qua việc Tái cấp hạn mức thấu chi và cấp mới tín dụng cho khách hàng Nguyễn Tuyết Mai (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |
| 15 | 17/2024/NQ-TPB.HĐQT | 14/03/2024 | Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với người có liên quan phát sinh trong các năm 2021, 2022 và 2023 | 100% |
| 16 | 18/2024/NQ-TPB.HĐQT | 14/03/2024 | Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với người có liên quan phát sinh trong năm 2024 | 100% |
| 17 | 19/2024/NQ-TPB.HĐQT | 21/03/2024 | Thông qua Phương án mua lại trái phiếu riêng lẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong năm 2024 | 100% |
| 18 | 23/2024/NQ-TPB.HĐQT | 08/04/2024 | Thông qua việc Tái cấp hạn mức tín dụng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (người có liên quan của thành viên HĐQT và thành viên BDH) | 100% |
| 19 | 26/2024/NQ-TPB.HĐQT | 17/05/2024 | Phê duyệt các Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong năm 2024 | 100% |
| 20 | 27/2024/NQ-TPB.HĐQT | 23/05/2024 | Thông qua việc Tái cấp hạn mức bảo lãnh và hạn mức cam kết thu xếp tài chính cho Công ty Cổ phần an toàn thông tin Cyradar (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |
| 21 | 30/2024/NQ-TPB.HĐQT | 06/06/2024 | Thông qua việc triển khai Phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt | 100% |
| 22 | 35/2024/NQ-TPB.HĐQT | 21/06/2024 | Thông qua việc Cấp hạn mức thấu chi tiêu dùng cho Bà Trương Thị Thanh Thanh (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |
| 23 | 39/2024/NQ-TPB.HĐQT | 27/06/2024 | Thông qua việc Tái cấp Hạn mức tín dụng và Hạn mức cam kết thu xếp tài chính cho Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (người có liên quan của cổ đông lớn) | 100% |

Phụ lục II - Danh sách về người có liên quan của TPBank

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Ngân hàng (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với TPBank |
|----------------------|----------------------|--|--|---------------------------------|--|---|---|-------|----------------------------------|
| I. Hội đồng Quản trị | | | | | | | | | |
| 1 | Đỗ Minh Phú | | Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật | | | 26/04/2023 | | | Người nội bộ |
| 2 | Lê Quang Tiến | | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin | | | 26/04/2023 | | | |
| 3 | Đỗ Anh Tú | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | 26/04/2023 | | | |
| 4 | Shuzo Shikata | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | 26/04/2023 | | | |
| 5 | Nguyễn Thị Mai Sương | | Thành viên HĐQT | | | 26/04/2023 | | | |
| 6 | Võ Bích Hà | | Thành viên HĐQT độc lập | | | 26/04/2023 | | | |
| II. Ban điều hành | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Hưng | | Tổng Giám đốc | | | 02/12/2022 | | | Người nội bộ |
| 2 | Lê Hồng Nam | | Phó Tổng Giám đốc | | | 01/07/2021 | | | |
| 3 | Nguyễn Việt Anh | | Phó Tổng Giám đốc | | | 01/07/2021 | | | |
| 4 | Nguyễn Hồng Quân | | Phó Tổng Giám đốc | | | 01/07/2021 | | | |
| 5 | Khúc Văn Hòa | | Phó Tổng Giám đốc | | | 01/07/2021 | | | |
| 6 | Đinh Văn Chiến | | Phó Tổng Giám đốc | | | 15/04/2020 | | | |
| 7 | Phạm Đông Anh | | Phó Tổng Giám đốc | | | 01/07/2021 | | | |
| 8 | Trương Thị Hoàng Lan | | Phó Tổng Giám đốc | | | 28/12/2018 | | | |
| 9 | Bùi Quang Cường | | Phó Tổng Giám đốc | | | 10/11/2021 | | | |
| III. Ban Kiểm soát | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thu Hương | | Trưởng BKS | | | 26/04/2023 | | | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Ngân hàng (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với TPBank |
|---------------------------------------|---|--|------------------------------------|---|--|---|---|-------|----------------------------------|
| 2 | Thái Duy Nghĩa | | Thành viên BKS chuyên trách | | | 26/04/2023 | | | Người nội bộ |
| 3 | Nguyễn Thị Thu Nguyệt | | Thành viên BKS không chuyên trách | | | 26/04/2023 | | | |
| IV. Kế toán trưởng | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Cẩm Tú | | Kế toán trưởng | | | 27/04/2013 | | | Người nội bộ |
| V. Người phụ trách quản trị Ngân hàng | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | | Người phụ trách quản trị Ngân hàng | | | 26/10/2019 | | | Người nội bộ |
| VI. Tổ chức chính trị - xã hội | | | | | | | | | |
| 1 | Công đoàn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | | | - 17/QĐ-CĐ FPT - 09/07/2008 - Công đoàn Công ty Cổ phần FPT | 57 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | 09/07/2008 | | | Tổ chức chính trị - xã hội |
| VII. Công ty con | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát | | | - 28/UBCK-GP - 25/01/2008 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Tầng 11, Tòa nhà DOJ Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội | 28/03/2024 | | | Công ty con |

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

Phụ lục III - Giao dịch giữa TPBank với người có liên quan của TPBank; hoặc giữa TPBank với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|--|--|---|--|---------------------------------|---|---|---------|
| 1 | Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Toàn Thu | Người có liên quan của thành viên HĐQT | - 2901828138 - 15/01/2016 - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An | Số 394, đường Phạm Hồng Thái, khối 2, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An | | 03/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 15/01/2024 | Tái cấp tăng hạn mức tín dụng | |
| 2 | Ông Nguyễn Khải Hoàn | Người có liên quan của cổ đông lớn | | | | 04/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 15/01/2024 | Cấp mới tín dụng | |
| 3 | Ông Bùi Quang Ngọc | Người có liên quan của cổ đông lớn | | | | 05/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 16/01/2024; 07/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 23/01/2024 | Cấp tín dụng và tái cấp hạn mức thấu chi | |
| 4 | Ông Nguyễn Việt Thắng | Người có liên quan của cổ đông lớn | | | | 06/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 23/01/2024 | Tái cấp hạn mức thấu chi | |
| 5 | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Dragon | Người có liên quan của cổ đông lớn | - 0202223016 - 25/11/2023 - Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hải Phòng | Thửa 3, 4 Lô 3C Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng | | 14/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 01/03/2024 | Cấp món bảo lãnh bảo đảm thực hiện dự án đầu tư | |
| 6 | Bà Nguyễn Tuyết Mai | Người có liên quan của cổ đông lớn | | | | 16/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 14/03/2024 | Tái cấp hạn mức thấu chi và cấp mới tín dụng | |
| 7 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong | Người có liên quan của thành viên HĐQT và thành viên BDH | - 0304814339 - 29/12/2006 - Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh | Tầng 7, Tòa nhà DOJL, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh | | 23/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 08/04/2024 | Tái cấp hạn mức tín dụng | |
| 8 | Công ty Cổ phần an toàn thông tin Cyradar | Người có liên quan của cổ đông lớn | - 0107907094 - 04/07/2017 - Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | Số 10 Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | | 27/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 23/05/2024 | Tái cấp hạn mức bảo lãnh và hạn mức cam kết thu xếp tài chính | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------|--|--|---------------------------------|---|---|---------|
| 9 | Bà Trương Thị Thanh Thanh | Người có liên quan của cổ đông lớn | | | | 35/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 21/06/2024 | Cấp hạn mức thấu chi tiêu dùng | |
| 10 | Công ty Cổ phần Viễn thông FPT | Người có liên quan của cổ đông lớn | - 0101778163 - 28/07/2005 - Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | | 39/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 27/06/2024 | Tái cấp Hạn mức tín dụng và Hạn mức cam kết thu xếp tài chính | |
| 11 | Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát | Công ty con của TPBank | - 28/UBCK-GP - 25/01/2008 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Tầng 11, Tòa nhà DOJ Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội | | 18/2024/NQ-TPB.HĐQT ngày 14/03/2024 | - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng: 9.746 triệu đồng - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi: 0,2 triệu đồng - Chi phí lãi tiền gửi: 2 triệu đồng | |

Phụ lục IV - Giao dịch giữa TPBank với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

| STT | Tên công ty thực hiện giao dịch | Tên thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD của Ngân hàng | Chức vụ tại công ty thực hiện giao dịch | Chức vụ tại Ngân hàng | Loại giao dịch | Số dư tại ngày 30/06/2024 (Triệu VND) |
|-----|--|--|---|-----------------------|---|--|
| 1 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI (cổ đông lớn của TPBank) | Đỗ Minh Phú | Chủ tịch Hội đồng sáng lập | Chủ tịch HĐQT | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng - Trả trước và đặt cọc tiền thuê nhà - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi - Chi phí lãi tiền gửi | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng: 139.373 - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng: 200 - Trả trước và đặt cọc tiền thuê nhà: 779.244 - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi: 6 - Chi phí lãi tiền gửi: 42 |
| 2 | Công ty Cổ phần FPT (cổ đông lớn của TPBank) | Lê Quang Tiến | Thành viên sáng lập | Phó Chủ tịch HĐQT | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi - Chi phí lãi tiền gửi | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng: 88.215 - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng: 1.812.000 - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi: 8.976 - Chi phí lãi tiền gửi: 41.959 |
| 3 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong | Đỗ Anh Tú | Chủ tịch HĐQT | Phó Chủ tịch HĐQT | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng - Giao dịch cho vay - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi - Giao dịch góp vốn, mua cổ phần - Thu nhập lãi tiền cho vay - Chi phí lãi tiền gửi | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng: 2.918.489 - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng: 265.000 - Giao dịch cho vay: 0 - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi: 2.587 - Giao dịch góp vốn, mua cổ phần: 270.300 - Thu nhập lãi tiền cho vay: 34.675 |

| STT | Tên công ty thực hiện giao dịch | Tên thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD của Ngân hàng | Chức vụ tại công ty thực hiện giao dịch | Chức vụ tại Ngân hàng | Loại giao dịch | Số dư tại ngày 30/06/2024 (Triệu VND) |
|-----|---|--|---|-----------------------|--|--|
| | | | | | | - Chi phí lãi tiền gửi: 5.355 |
| 4 | Doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Ngân hàng | Lê Quang Tiến Đỗ Anh Tú Shuzo Shikata | Thành viên HĐQT | Phó Chủ tịch HĐQT | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng - Giao dịch cho vay - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi - Chi phí lãi tiền gửi | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng: 39.888 - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng: 3.619.054 - Giao dịch cho vay: 0 - Các khoản lãi Ngân hàng dự chi: 20.730 - Chi phí lãi tiền gửi: 62.153 |

Phụ lục V - Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----------|-----------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 1 | Đỗ Minh Phú | | Chủ tịch HĐQT | | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.01 | Đỗ Thế Sử | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 1.02 | Lê Thị Trinh | | | Mẹ đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 1.03 | Nguyễn Kim Phương | | | Mẹ kế | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.04 | Vũ Thăng | | | Bố vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 1.05 | Nguyễn Thị Thông | | | Mẹ vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 1.06 | Vũ Anh Thư | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.07 | Đỗ Minh Đức | | | Con trai | | | | | | 24.486.463 | 1,11% | |
| 1.08 | Ngô Đặng Trà My | | | Con dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.09 | Đỗ Vũ Phương Anh | | | Con gái | | | | | | 24.486.463 | 1,11% | |
| 1.10 | Bùi Quang Tuyền | | | Con rể | | | | | | 40.365 | 0,002% | |
| 1.11 | Đỗ Minh Thuận | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.12 | Đỗ Thái Tùng | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.13 | Đỗ Thị Kim Diệp | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.14 | Đỗ Tất Cường | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.15 | Nguyễn Thị Thu Hương | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.16 | Đỗ Quốc Bình | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.17 | Nguyễn Thị Nguyệt Nga | | | Em dâu | | | | | | 65 | 0,00% | |
| 1.18 | Đỗ Anh Tuấn | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.19 | Đào Bích Hạnh | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.20 | Đỗ Kim Dung | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.21 | Đỗ Thị Xuân Mai | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.22 | Hoàng Anh Tuấn | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|------------------------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|------------|----------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| 1.23 | Đỗ Anh Tú | | | Em trai | | | | | | 81.621.556 | 3,71% | |
| 1.24 | Trung Thị Lâm Ngọc | | | Em dâu | | | | | | 1.965.494 | 0,09% | |
| 1.25 | Đỗ Khôi Nguyên | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.26 | Tian Xiao | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 1.27 | CTCP Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0100365621 | 11/04/2007 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | Tòa nhà DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội | 130.594.494 | 5,93% | Ông Đỗ Minh Phú sở hữu trên 10% vốn góp |
| 2 | Lê Quang Tiến | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | | | | | 79.415.569 | 3,61% | |
| 2.01 | Lê Trung Dũng | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | Đã mất |
| 2.02 | Nguyễn Thị An | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.03 | Đoàn Ngọc | | | Bố vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.04 | Vũ Ngọc Liên | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.05 | Đoàn Ngọc Thu | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.06 | Lê Nữ Cẩm Tú | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.07 | Hannes Kaltenbrunner | | | Con rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.08 | Lê Đoàn An Khê | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.09 | Lê Quang Diệu | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | Đã mất |
| 2.10 | Lê Nữ Quỳnh Nga | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.11 | Nguyễn Văn Chiến | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.12 | Lê Nữ Quỳnh Mai | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 2.13 | Nguyễn Ngọc Hương | | | Em rể | | | | | | 9.395 | 0,00% | |
| 2.14 | Công ty TNHH Đầu tư FPT | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0105173948 | 03/03/2011 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | 10 Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, | 0 | 0,00% | Ông Lê Quang Tiến là |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|------------------------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|------------|-----------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | | | | Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | | | Chủ tịch kiêm TGD |
| 2.15 | Công ty Cổ Phần Đô thị FPT Đà Nẵng | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0401328052 | 15/01/2010 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Đà Nẵng | Tầng 1, tòa nhà FPT, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng | 0 | 0,00% | Ông Lê Quang Tiến là Chủ tịch HĐQT |
| 3 | Đỗ Anh Tú | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | | | | | 81.621.556 | 3,71% | |
| 3.01 | Đỗ Thế Sử | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 3.02 | Lê Thị Trinh | | | Mẹ đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 3.03 | Nguyễn Kim Phương | | | Mẹ kế | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.04 | Nguyễn Trung Nhuận | | | Bố vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 3.05 | Văn Thị Cung | | | Mẹ vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 3.06 | Trung Thị Lâm Ngọc | | | Vợ | | | | | | 1.965.494 | 0,09% | |
| 3.07 | Đỗ Quỳnh Anh | | | Con gái | | | | | | 67.578.434 | 3,07% | |
| 3.08 | Đỗ Minh Quân | | | Con trai | | | | | | 73.532.935 | 3,34% | |
| 3.09 | Đỗ Minh Thuận | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.10 | Đỗ Thái Tùng | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.11 | Đỗ Thị Kim Diệp | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.12 | Đỗ Tất Cường | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.13 | Nguyễn Thị Thu Hương | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.14 | Đỗ Minh Phú | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.15 | Vũ Anh Thư | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.16 | Đỗ Quốc Bình | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|--|--|------------------------------|---|--|-------------|------------|---------------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| 3.17 | Nguyễn Thị Nguyệt Nga | | | Chị dâu | | | | | | 65 | 0,00% | |
| 3.18 | Đỗ Anh Tuấn | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.19 | Đào Bích Hạnh | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.20 | Đỗ Kim Dung | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.21 | Đỗ Thị Xuân Mai | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.22 | Hoàng Anh Tuấn | | | Anh rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.23 | Đỗ Khôi Nguyên | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.24 | Tian Xiao | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 3.25 | Công ty Cổ phần Diana Unicharm | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0100507058 | 11/04/2007 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | Khu Công nghiệp Vĩnh Tuy, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội | 0 | 0,00% | Ông Đỗ Anh Tú là Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3.26 | Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thủy | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0103014120 | 10/10/2006 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | 53B Hàng Chuối, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 0 | 0,00% | Ông Đỗ Anh Tú là Thành viên HĐQT |
| 3.27 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0304814339 | 29/12/2006 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh | Tầng 7, Tòa nhà DOJ, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh | 0 | 0,00% | Ông Đỗ Anh Tú là Chủ tịch HĐQT |
| 3.28 | Công ty TNHH Đầu tư TP Việt Nam | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0106694703 | 19/11/2014 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | Số 1, khu công nghiệp Vĩnh Tuy, đường Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội | 0 | 0,00% | Ông Đỗ Anh Tú là Chủ tịch HĐQT |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|---|--|------------------------------|---|--|-------------|------------|----------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| 3.29 | Công ty TNHH Địa Cầu Xanh | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0101427158 | 28/11/2003 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | 49 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 0 | 0,00% | Ông Đỗ Anh Tú là Thành viên HĐQT |
| 3.30 | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tân Mỹ | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0100509295 | 06/03/1995 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | Số 1 khu công nghiệp Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội | 0 | 0,00% | Ông Đỗ Anh Tú là Thành viên HĐQT |
| 3.31 | Công ty TNHH Thương mại Tân Kim Nhật | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0108206729 | 29/03/2018 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | Số 1A phố Hai Bà Trưng, Phường Tráng Tiễn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | 0 | 0,00% | Ông Đỗ Anh Tú là Thành viên HĐQT |
| 3.32 | CTCP Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0100365621 | 11/04/2007 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội | Tòa nhà DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội | 130.594.494 | 5,93% | Ông Đỗ Anh Tú là em trai của cổ đông sở hữu trên 10% vốn góp |
| 4 | Shuzo Shikata | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 4.01 | Shogo Shikata | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 4.02 | Kyoko Shikata | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 4.03 | Norikazu Karatani | | | Bố vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 4.04 | Tokiko Karatani | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 4.05 | Erika Shikata | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 4.06 | Riku Shikata | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 4.07 | Kai Shikata | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|--------------------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|------------|---------------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| 4.08 | Masakazu Shikata | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | Không có hộ chiếu |
| 4.09 | Akiko Shikata | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | Không có hộ chiếu |
| 4.10 | Keiji Shikata | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | Không có hộ chiếu |
| 4.11 | Shino Shikata | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | Không có hộ chiếu |
| 4.12 | SBI Ven Holdings Pte. Ltd | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | CC7092 | 17/02/2021 | VSDC | 9 Straits View #06-07, Marina One West Tower, Singapore 018937 | 99.325.578 | 4,51% | Ông Shuzo Shikata là đại diện phần vốn góp |
| 4.13 | Công ty Cổ phần Công nghệ UTOP | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0315669605 | 10/05/2019 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh | Tầng 8, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | 0 | 0,00% | Ông Shuzo Shikata là Thành viên HĐQT |
| 5 | Nguyễn Thị Mai Sương | | Thành viên HĐQT | | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.01 | Nguyễn Bá Hồng | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 5.02 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.03 | Trần Ngọc Tuy | | | Bố chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.04 | Phạm Thị Hoạt | | | Mẹ chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.05 | Trần Hồng Quang | | | Chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.06 | Trần Ngọc Linh | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.07 | Lê Thị Hà Phương | | | Con dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.08 | Trần Hải Yến | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|----------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 5.09 | Nguyễn Thị Tuyết Lan | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.10 | Nguyễn Công Danh | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 5.11 | Nguyễn Toàn Thắng | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6 | Võ Bích Hà | | Thành viên HĐQT độc lập | | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.01 | Võ Văn Tòa | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 6.02 | Vũ Thị Tuyết | | | Mẹ đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 6.03 | Nguyễn Xuân Tín | | | Bố chồng | | | | | | | | Đã mất |
| 6.04 | Nguyễn Thị Kim Nhung | | | Mẹ chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.05 | Nguyễn Xuân Hòa | | | Chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.06 | Nguyễn Xuân Hưng | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.07 | Nguyễn Xuân Hiếu | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.08 | Võ Văn Quảng | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.09 | Nguyễn Thị Bích Hồng | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.10 | Võ Thị Phương | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.11 | Võ Thị Hồng Lan | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 6.12 | Đặng Hồng Kiên | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | Đã mất |
| 7 | Nguyễn Hưng | | Tổng Giám đốc | | | | | | | 1.127.439 | 0,05% | |
| 7.01 | Nguyễn Hội | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 7.02 | Phạm Thị Cúc | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.03 | Bùi Công Sửu | | | Bố vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 7.04 | Nguyễn Thị Lý | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|---------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 7.05 | Bùi Kim Tâm | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.06 | Nguyễn Quỳnh Anh | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.07 | Bùi Minh Hoàng | | | Con rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.08 | Nguyễn Trí Dũng | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.09 | Nguyễn Minh | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.10 | Nguyễn Thành Huân | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.11 | Trịnh Thị Vân Anh | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.12 | Nguyễn Hải | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.13 | Nguyễn Quỳnh Lam | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 7.14 | Nguyễn Thị Phương | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8 | Lê Hồng Nam | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | | | 338.231 | 0,02% | |
| 8.01 | Lê Đình Bình | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.02 | Đặng Thị Bích Thược | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.03 | Lê Văn Bảo | | | Bố vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 8.04 | Nguyễn Thị Thai | | | Mẹ vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 8.05 | Lê Thị Thanh Hồng | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.06 | Lê Bình Phương Uyên | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.07 | Lê Thị Ngọc Diệp | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.08 | Lê Hồng Sơn | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.09 | Lê Thị Thúy Hồng | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.10 | Lê Thị Thúy | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.11 | Đỗ Hoàng Minh | | | Anh rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 8.12 | Phạm Văn Hân | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|------------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 8.13 | Trần Thị Bích Hiền | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 9 | Nguyễn Việt Anh | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | | | 469.766 | 0,02% | |
| 9.01 | Nguyễn Văn Duyệt | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 9.02 | Trần Thị Tâm | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 9.03 | Nguyễn Văn Nội | | | Bố vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 9.04 | Đỗ Thị Minh | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 9.05 | Nguyễn Thị Hào | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 9.06 | Nguyễn Ngọc Minh Anh | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 9.07 | Nguyễn Việt Đức Trí | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 9.08 | Nguyễn Ngọc Bảo Châu | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | Còn nhỏ |
| 9.09 | Nguyễn Tuấn Anh | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 9.10 | Nguyễn Thị Bích Thủy | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10 | Nguyễn Hồng Quân | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | | | 375.813 | 0,02% | |
| 10.01 | Nguyễn Hữu Hùng | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10.02 | Ví Kim Phong | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10.03 | Trịnh Xương | | | Bố vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 10.04 | Lê Thị Hai | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10.05 | Trịnh Mai Hương | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10.06 | Nguyễn Mai Linh | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10.07 | Nguyễn Trịnh Khánh Đức | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10.08 | Nguyễn Kim Chi | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10.09 | Nguyễn Trần Hậu | | | Anh rể | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----------|-----------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 10.10 | Nguyễn Phong Lan | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 10.11 | Nguyễn Quang Huy | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11 | Khúc Văn Họa | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | | | 391.771 | 0,02% | |
| 11.01 | Khúc Văn Hưng | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 11.02 | Vũ Thị Bé | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.03 | Phạm Ngọc Bưởi | | | Bố vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 11.04 | Bùi Thị Liệu | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.05 | Phạm Thị Thu Huyền | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.06 | Khúc Thị Huyền Mai | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.07 | Khúc Thị Huyền Trang | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.08 | Khúc Sơn Hải | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.09 | Lê Thị Phương | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.10 | Khúc Thị Hoàng | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.11 | Lê Văn Đôn | | | Anh rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.12 | Khúc Thị Hạ | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.13 | Vũ Văn Cháp | | | Anh rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 11.14 | Khúc Thị Hoàn | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12 | Đinh Văn Chiến | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | | | 375.813 | 0,02% | |
| 12.01 | Đinh Văn Dương | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.02 | Lê Thị Đàm | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.03 | Nguyễn Văn Toàn | | | Bố vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.04 | Lê Thị Tậu | | | Mẹ vợ | | | | | | 14.702 | 0,001% | |
| 12.05 | Nguyễn Thị Mai Anh | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.06 | Đinh Nhật Minh | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|-----------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 12.07 | Đinh Nhật Nam | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | Còn nhỏ |
| 12.08 | Đinh Văn Hạnh | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.09 | Vũ Thị Thu Hà | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.10 | Đinh Văn Phúc | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.11 | Nguyễn Thị Đào | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.12 | Đinh Văn Thiện | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 12.13 | Lê Thị Hiền | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 13 | Phạm Đông Anh | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | | | 340.667 | 0,02% | |
| 13.01 | Phạm Văn Doan | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 13.02 | Nguyễn Thị Thạo | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 13.03 | Nguyễn Văn Minh | | | Bố vợ | | | | | | | | Đã mất |
| 13.04 | Nguyễn Thị Nga | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 13.05 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 13.06 | Phạm Anh Đức | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 13.07 | Phạm Đức Trung | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 13.08 | Phạm Thị Hồng Đào | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 14 | Trương Thị Hoàng Lan | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 14.01 | Trương Quyết Thắng | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 14.02 | Trương Thị Minh Nhung | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 14.03 | Trương Thị Hoàng Yến | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 14.04 | Nguyễn Ngân Giang | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | Còn nhỏ |
| 14.05 | Nguyễn Minh Dũng | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | Còn nhỏ |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|--|--|------------------------------|---|--|-------------|------------|---------------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|---|
| 14.06 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | 0304814339 | 29/12/2006 | Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh | Tầng 7, Tòa nhà DOJL, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh | 0 | 0,00% | Bà Trương Thị Hoàng Lan là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên HĐQT độc lập |
| 15 | Bùi Quang Cường | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | | | 187.906 | 0,01% | |
| 15.01 | Bùi Quang Hòe | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.02 | Đoàn Thị Hòa | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.03 | Long Văn Minh | | | Bố vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.04 | Hoàng Thị Sơn | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.05 | Long Thị Kim Oanh | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.06 | Bùi Quang Lâm | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.07 | Bùi Quang Kiên | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.08 | Bùi Thị Mến | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.09 | Bùi Quang Thiệu | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.10 | Đỗ Thị Tâm | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.11 | Bùi Quang Thịnh | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.12 | Bùi Thị Miên | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.13 | Bùi Quang Kỳ | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 15.14 | Đào Thị Nhung | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16 | Nguyễn Thị Thu Hương | | Trưởng ban kiểm soát | | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.01 | Nguyễn Minh Sen | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.02 | Nguyễn Thị Thi | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|--------------------|--|------------------------------|---|--|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 16.03 | Lê Anh Tùng | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.04 | Vũ Ánh Nguyệt | | | Con dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.05 | Nguyễn Thị Huyền | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.06 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.07 | Nguyễn Tiến Huy | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.08 | Nguyễn Việt Hưng | | | Em trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.09 | Nguyễn Văn Thúy | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.10 | Đàm Hữu Tuấn | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.11 | Phạm Thị Kim Nhung | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 16.12 | Nguyễn Thị Hạnh | | | Em dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17 | Thái Duy Nghĩa | | Thành viên BKS chuyên trách | | | | | | | 33.611 | 0,002% | |
| 17.01 | Thái Duy Hòa | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 17.02 | Thái Thị Nguyệt | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.03 | Võ Phẩm | | | Bố vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.04 | Phan Thị Cúc | | | Mẹ vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.05 | Vũ Thị Hương Trà | | | Vợ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.06 | Thái Thanh Tùng | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.07 | Thái Văn Anh | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.08 | Thái Thanh Hằng | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.09 | Thái Duy Quang | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.10 | Thái Duy Dũng | | | Anh trai | | | | | | 0 | 0,00% | Còn nhỏ |
| 17.11 | Thái Thị Kim Dung | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 17.12 | Lương Văn Nghĩa | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|-----------------------|--|-----------------------------------|---|--|-------------|------------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| 17.13 | Thái Thị Quỳnh Hoa | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18 | Nguyễn Thị Thu Nguyệt | | Thành viên BKS không chuyên trách | | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.01 | Nguyễn Chí Nghĩa | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 18.02 | Lê Thị Minh Khánh | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.03 | Nguyễn Xuân Nam | | | Bố chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.04 | Nguyễn Thị Lý | | | Mẹ chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.05 | Nguyễn Quang Bắc | | | Chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.06 | Nguyễn Hà Anh | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.07 | Nguyễn Đức Anh | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.08 | Nguyễn Thị Thu Nga | | | Chị gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.09 | Nguyễn Đức Minh | | | Anh rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 18.10 | Công ty TNHH VG | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | CB0253 | 01/12/2016 | VSDC | Tầng 9 tòa nhà TTC, lô B1A cụm TTCN và CNN, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | 84.478.306 | 3,84% | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt là Chủ tịch |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|--|--|------------------------------|---|--|-------------|------------|-----------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| 18.11 | Công ty TNHH FD | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | CB0247 | 30/11/2016 | VSDC | Tầng 9 tòa nhà TTC, lô B1A cụm TTCN và CNN, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | 76.799.999 | 3,49% | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt là Chủ tịch |
| 18.12 | Công ty TNHH JB | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | CB0254 | 01/12/2016 | VSDC | Tầng 9 tòa nhà TTC, lô B1A cụm TTCN và CNN, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | 89.840.401 | 4,08% | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt là Chủ tịch |
| 18.13 | Công ty TNHH SP | | | Tổ chức có liên quan | Giấy ĐKKD | CB0258 | 01/12/2016 | VSDC | Tầng 9 tòa nhà TTC, lô B1A cụm TTCN và CNN, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | 89.882.717 | 4,08% | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt là Chủ tịch |
| 18.14 | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT | | | Tổ chức có liên quan | Khác | 18/UBCK-GP | 25/07/2007 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Tầng 9, tòa nhà TTC Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | 0 | 0,00% | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt là TGD |
| 19 | Lê Cẩm Tú | | Kế toán trưởng | | | | | | | 328.836 | 0,01% | |
| 19.01 | Lê Sỹ Hồi | | | Cha đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|-------------------------------------|--|------------------------------------|---|--|-------------|------------|-------------------------------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 19.02 | Khương Thị Bích Ngọc | | | Mẹ đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 19.03 | Phạm Quang Hiệp | | | Bố chồng | | | | | | | | Đã mất |
| 19.04 | Nguyễn Thị Kim Dung | | | Mẹ chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 19.05 | Phạm Nam Anh | | | Chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 19.06 | Phạm Nam Khánh | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 19.07 | Phạm Lê Minh Khanh | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 19.08 | Lê Thủy Vinh | | | Em gái | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 19.09 | Nguyễn Hải Thắng | | | Em rể | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 20 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | | Người phụ trách quản trị Ngân hàng | | | | | | | 76.624 | 0,003% | |
| 20.01 | Nguyễn Đình Tự | | | Cha đẻ | | | | | | | | Đã mất |
| 20.02 | Nguyễn Thị Thanh Diệp | | | Mẹ đẻ | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 20.03 | Trần Quốc Sử | | | Bố chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 20.04 | Trần Thị Huệ | | | Mẹ chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 20.05 | Trần Ngọc Tú | | | Chồng | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 20.06 | Trần Nguyên Khôi | | | Con trai | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 20.07 | Trần Mai Khôi | | | Con gái | | | | | | 0 | 0,00% | Còn nhỏ |
| 20.08 | Nguyễn Trung Kiên | | | Anh trai | | | | | | 19 | 0,00% | |
| 20.09 | Nguyễn Minh Ngọc | | | Chị dâu | | | | | | 0 | 0,00% | |
| 21 | Công đoàn Ngân hàng TMCP Tiên Phong | | Tổ chức chính trị - xã hội | | Khác | 17/QĐ-CĐFPT | 09/07/2008 | Công đoàn Công ty Cổ phần FPT | 57 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 980.510 | 0,04% | |



| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|-----------------|--|------------------------------|---|--|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| 21.01 | Nguyễn Việt Anh | | | Chủ tịch Công đoàn | | | | | | 469.766 | 0,02% | Ông Nguyễn Việt Anh là Chủ tịch Công đoàn |